

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG HOÀ
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 5 năm 2024

V/v: "Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HOÀ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Thanh Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Oanh và ông Lương Văn Phúc.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Mã Thị Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hoà tham gia phiên toà: bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 về: "Yêu cầu ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/5/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Hà Thị L - sinh năm 1989.

- Bị đơn: Lục Văn H - sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với anh Lục Văn H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng vào ngày 22/02/2013. Quá trình chung sống, do anh H không tu trí làm ăn, không quan tâm đến vợ con, thường xuyên chửi bới, dọa nạt bản thân tôi và con gái tôi, chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Lục Thị Minh H1, sinh ngày 06/3/2013, hiện con đang ở với ông bà nội. Sau khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Bị đơn **Lục Văn H** trình bày ý kiến:

- Tôi nhất trí với ý kiến trình bày của chị **L** về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung, vay nợ chung. Nay chị **L** yêu cầu ly hôn tôi nhất trí.
- Về con chung: Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi con **Lục Thị Minh H1**, sinh ngày 06/3/2013 và không yêu cầu chị **L** cấp dưỡng.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đã thỏa thuận được các vấn đề: Ly hôn, tài sản và nợ. Không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con vì chị **L**, anh **H** ai cũng dành quyền nuôi con, cho nên Tòa án phải mở phiên tòa để xét xử.

[4] Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là ly hôn, về tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi **Lục Thị Minh H1**, không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng.
- Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến: Nhất trí ly hôn, về tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi **Lục Thị Minh H1**, không yêu cầu chị **L** cấp dưỡng.

[5] Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các Điều 28, 35, 68, 70-72, 93-98, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và hai bên đều mong muốn ly hôn, xét nguyện vọng của cháu **H1** được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn phù hợp với điều kiện kinh tế và yêu cầu của chị **L**, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, 271 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **L**, buộc chị **L** phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án giải quyết: Bị đơn cư trú tại địa bàn **huyện Q, tỉnh Cao Bằng**; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hà Thị L** và anh **Lục Văn Hòa** kết h trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND thị trấn H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng** vào ngày 22/02/2013. Trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn không thể hóa giải được. Từ tháng 10/2026 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án hòa giải nhưng các bên vẫn giữ nguyên ý kiến ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hai bên đã ly thân mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau và các bên đều muốn ly hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

2.2. Về con chung: Xét thấy cháu **Lục Thị Minh H1**, sinh ngày 06/3/2013, hiện đang ở với ông bà nội và học trường Tiểu học Tà Lùng, cháu **H1** có nguyện vọng được sinh sống cùng chị **L**, chị **L** đã chứng minh có thu nhập hàng tháng đảm bảo điều kiện về kinh tế hơn so với anh **H**. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị **L**.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Hà Thị L**. Chị **Hà Thị L** được ly hôn với anh **Lục Văn H**. Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2013 ngày 22 tháng 02 năm 2013 của **Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện P (nay là huyện Q)** không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu **Lục Thị Minh H1**, sinh ngày 06/3/2013 cho chị **Hà Thị L** được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị **L** không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng.

Các bên có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: chị **Hà Thị L** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng theo biên lai số 0002331 ngày 05 tháng 3 năm 2024. Xác nhận chị **L** đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Quảng Hòa;
- Chi Cục THA DS huyện QH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Thanh Điệp